

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Máy Phân Tích Nước Tiểu Ultrona™ AUR-100

1. CHUẨN BỊ

Chuẩn bị mẫu / que test

Đề Que test, mẫu nước tiểu, và hoặc chất đót chứng đạt đến nhiệt độ phòng trước khi thực hiện xét nghiệm 15-30°C (59-86F)

Lưu ý: Chỉ sử dụng que test do AllTest Biotech CO., Ltd. sản xuất để có chức năng phù hợp và kết quả chính xác.

Lấy các que test ra khỏi hộp đã đậy nắp. Sử dụng chúng càng sớm càng tốt. Đậy chặt nắp hộp sau khi lấy số lượng que test cần thiết.

Chuẩn bị cho máy phân tích

Kết nối nguồn điện với AUR-100 thông qua dây nguồn, chuyển công tắc nguồn thành "1" để mở máy phân tích. Máy phân tích sẽ khởi tạo. Sau khi khởi tạo, Ready Screen sẽ hiển thị như trong Hình 5. Giao diện hoạt động chính của máy phân tích. Bạn có thể chọn **Test, Reports, và Settings**.

2. CÀI ĐẶT

Nhấp chọn “Settings” trên giao diện chính để truy cập vào menu cài đặt như hình 1.



Hình 1

2.1.Strip

Nhấp vào “Strips” để truy cập vào giao diện như hình 2 Có thể chọn thành phần của các mục xét nghiệm. Bấm để chọn chế độ hoặc bấm để từ bỏ lựa chọn và quay lại menu cài đặt.

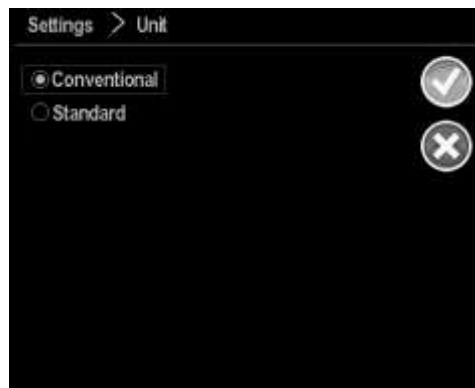


Hình 2

Lưu ý: Máy phân tích này hỗ trợ nhiều item của Urinalysis Reagent Strips. Vui lòng kiểm tra chính xác que test và chế độ phân tích sẽ được xét nghiệm, nếu không kết quả sẽ không chính xác.

2.2. Unit

Nhấp vào “Unit” để chọn đơn vị item kiểm tra. Có 2 loại đơn vị được hiển thị như dưới đây (Hình 3). Chọn đơn vị đích và bấm để lưu và quay lại menu cài đặt.



Hình 3

2.3. Giá trị đánh giá

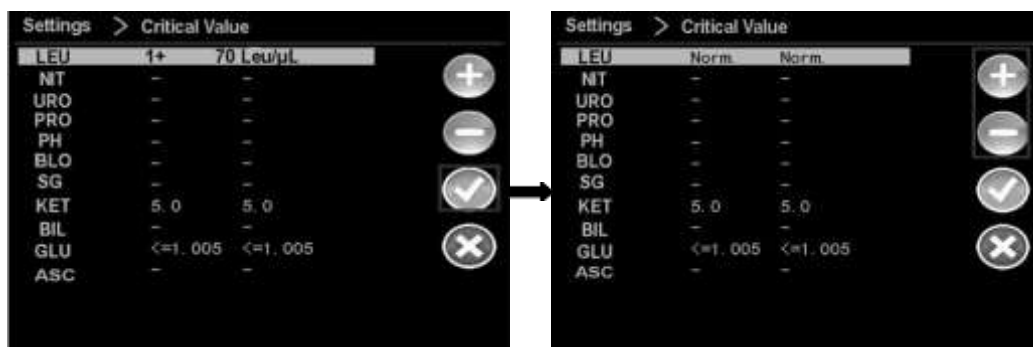
Nhấp vào “Critical Value” để thiết lập phạm vi tham chiếu của các mục xét nghiệm. (Hình 4) Nếu kết quả xét nghiệm vượt quá phạm vi, “*” sẽ được hiển thị trước chất phân tích.

Item	Norm.	Norm.	Action
LEU	-	-	+
NIT	-	-	-
URO	-	-	-
PRO	-	-	-
PH	-	-	-
BLO	-	-	-
SG	-	-	✓
KET	5.0	5.0	-
BIL	-	-	-
GLU	<=1.005	<=1.005	✗
ASC	-	-	-

Hình 4

Các mục kiểm tra và giá trị tham chiếu hiện tại của que thử sẽ được hiển thị trong giao diện này. Chọn chất phân tích, chọn "+" hoặc "-" để thay đổi giá trị, sau đó bấm để lưu hoặc từ bỏ các

thay đổi. (Hình 5)







Hình 6

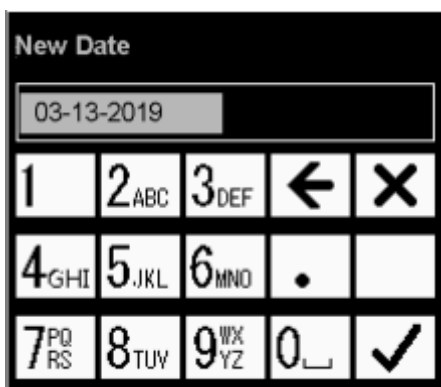
2.4. Đồng hồ hệ thống

Nhấp chọn “System Clock” để truy cập vào giao diện cho thiết đặt đồng hồ. (Hình 7)

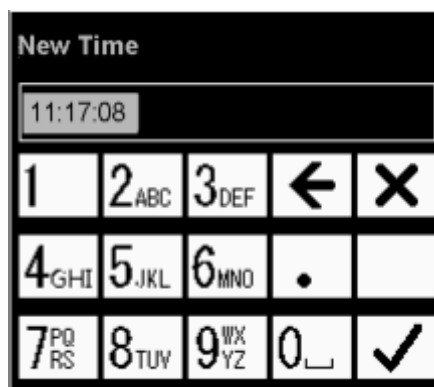


Hình 7

Bấm  hoặc  để cài đặt ngày hoặc giờ cho máy phân tích. (Ref Hình 8, Hình 9) Nhập thông tin ngày tháng theo định dạng “MM-DD-YYYY”, và thời gian theo định dạng “HH-MM-SS”. Nhấn  để lưu và bấm  để bỏ.



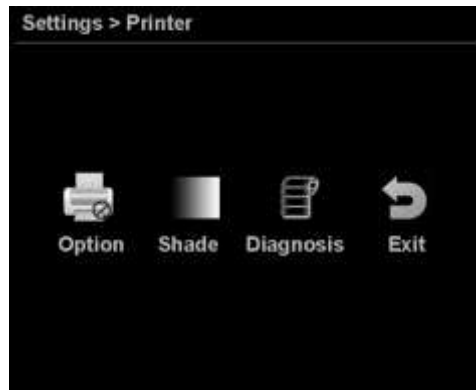
Hình 8



Hình 9

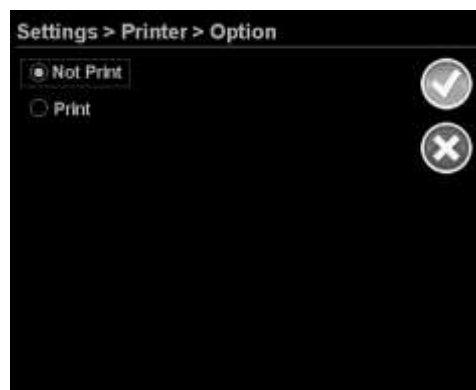
2.5. Printer

Nhấp “Printer” để truy cập giao diện như hình 10. Bạn có thể chọn chức năng tự động in hay không, mức độ tối của máy in.



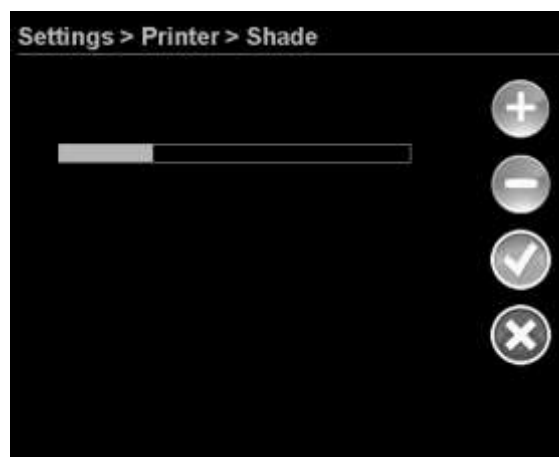
Hình 10

Chọn “**Option**”, có lựa chọn “**Not Print**” và “**Print**”, khi “**Print**” được chọn máy in sẽ tự động in báo cáo sau mỗi lần thực hiện xét nghiệm, sau đó bấm để lưu hoặc bỏ các thay đổi (Hình 11)



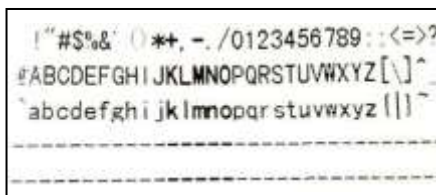
Hình 11

1. Nhấp vào "**Shade**" để thay đổi bóng tối của các bản in của máy in nhiệt tích hợp. Có 21 cấp độ bóng tối có thể được chọn. (**Lưu ý:** màu in càng tối, tốc độ in càng chậm và tuổi thọ ngắn hơn) (Hình 12)



Hình 12

Nhấp vào “**Diagnosis**” để kiểm tra in ấn. Máy in sẽ in một đoạn giấy để kiểm tra kết quả của chức năng thiết lập và in. (Hình 13)

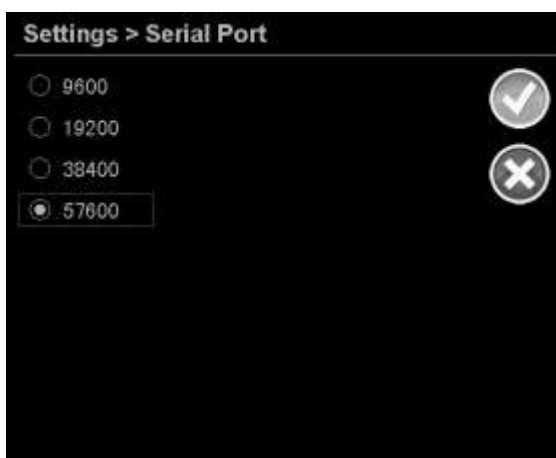


Hình 13

Lưu ý: Trang kiểm tra nên được hiển thị đầy đủ như trên. Nếu không, vui lòng liên hệ với nhà sản xuất hoặc nhà phân phối tại địa phương.

2.5.1. Serial Port

Nhấp chọn “**Serial Port**” để chọn tốc độ giao tiếp tương ứng. (Hình 14). Có bốn tùy chọn Baud Rate: 9600, 19200, 38400 và 57600. Chọn Baud Rate khi cần thiết.



Hình 14

2.5.2. Thông tin máy phân tích

Nhấp vào “**Product Info**” để hiển thị thông tin của máy phân tích. Phiên bản phần mềm và serial No. Của máy phân tích sẽ được hiển thị như Hình 15

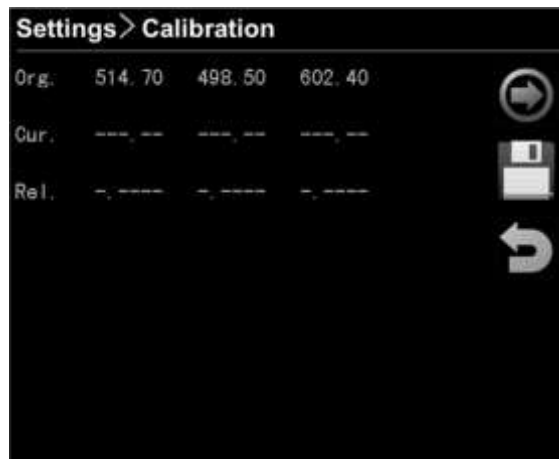


Hình 15

2.5.3. Calibration (Tùy chọn)


Note: Trước khi thực hiện một bài test calib, làm sạch khay chứa và hộp đựng dây strip theo yêu

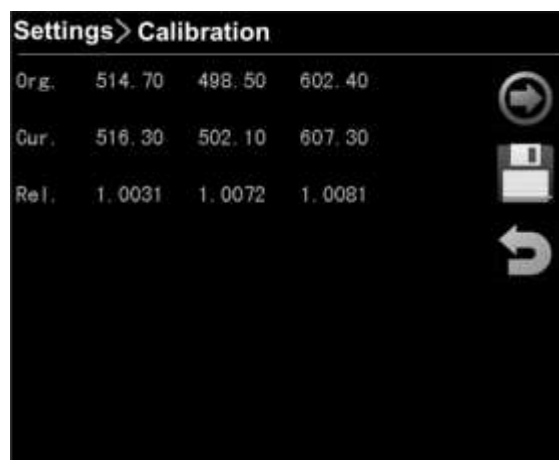
cầu, nếu không Strip calib sẽ bị ô nhiễm và ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính chính xác của calib!
Nhấp chọn “Settings” và sau đó chọn “Calibration”, như Hình 16.





Hình 16

Ba dòng dữ liệu sẽ được hiển thị. Dữ liệu của dòng đầu tiên là giá trị ban đầu về Strip calib, dòng thứ hai là giá trị test cuối cùng của strip calib và dòng thứ ba cho thấy giá trị khác nhau giữa dòng đầu tiên và dòng thứ hai.

Nhấp  để bắt đầu thực hiện calib, máy phân tích sẽ hiển thị “Testing....”. Đặt strip calib lên trên khay đặt que thử với mặt màu trắng hướng lên trên, Sau khi Máy phân tích cảm nhận được chuyển động của việc đặt strip calib lên khay, bài test sẽ bắt đầu. Sau khi hoàn thành bài kiểm tra, Kết quả sẽ được hiển thị như Hình 17.



Hình 17

Nhấp  để lưu dữ liệu calib, nhấp  để quay lại.

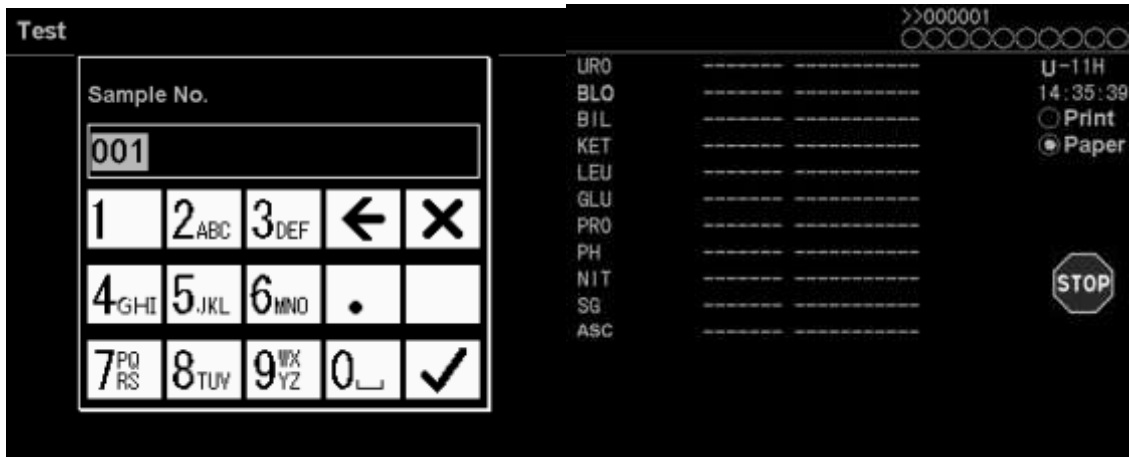
a. Quy trình xét nghiệm

Trước khi xét nghiệm, vui lòng đọc hướng dẫn sử dụng này và que test nước tiểu cẩn thận.

Bước 1: Bật công tắc nguồn để khởi động máy phân tích. Tham khảo 3.5 Khởi động máy phân tích

Bước 2: Bấm “Test” trong giao diện chính để bắt đầu quá trình xét nghiệm. Bấm “Sequential” để điền vào số mẫu No. trong hộp thoại trên màn hình như Hình 18. Máy phân tích sẽ tạo ra mẫu No. sau mẫu xét nghiệm mới nhất No. Số này có thể được thay đổi nếu cần thiết.

Bước 3: Sau khi số mẫu No. được xác nhận, máy phân tích sẽ truy cập vào giao diện xét nghiệm. (Ref Hình 19)



Hình 18

Hình 19

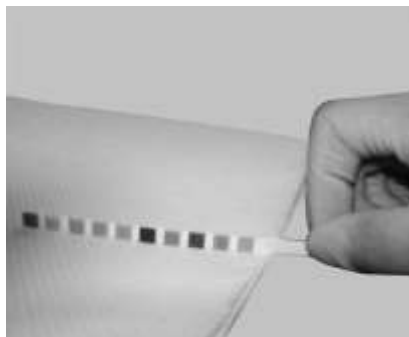
Thông tin về số mẫu, số item xét nghiệm của que test, thời gian xét nghiệm và máy in sẽ được hiển thị trong giao diện xét nghiệm.

Quy trình xét nghiệm que thử phân tích nước tiểu: Nhúng hoàn toàn khu vực thuốc thử của que test nước tiểu vào trong nước tiểu mới đã được lắc đều. Lấy ra ngay lập tức để tránh hòa tan thuốc thử. (Ref Hình 20)



Hình 20

Trong khi lấy que test ra khỏi mẫu nước tiểu, đặt cạnh của que thử chạy theo vành của lọ đựng mẫu nước tiểu để loại bỏ nước tiểu dư thừa. Giữ que test ở vị trí nằm ngang và đưa cạnh của que test tiếp xúc với vật liệu thấm hút (e.g., khăn giấy) để tránh trộn lẫn hóa chất từ các khu vực thuốc thử liền kề và/ hoặc làm bẩn tay bằng nước tiểu. (Ref Hình 21)



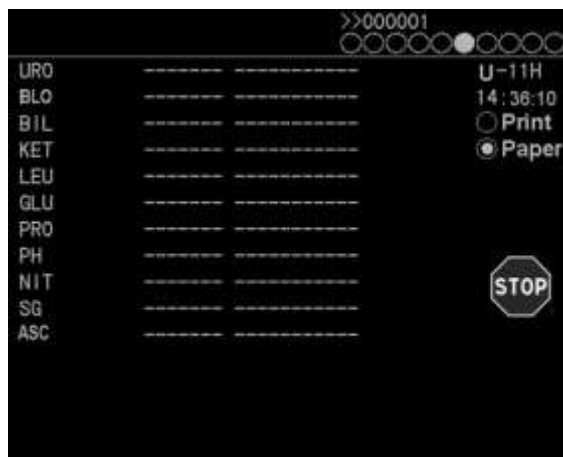
Hình 21

Bước 4: Đặt que test đã chuẩn bị đúng cách lên khay xét nghiệm như hình Hình 22. Khi nghe thấy tiếng “bíp”, máy phân tích đã phát hiện chuyển động đặt một que test mới lên khay và xét nghiệm được bắt đầu. Que test được di chuyển vào máy phân tích (điều này sẽ mất vài giây). Sau bảy bước,

que test sẽ ở vị trí xét nghiệm. Máy phân tích sẽ đọc que test và xuất kết quả sau khi tính toán. (Ref Hình 23)



Hình 22



Hình 23

Chú ý: Các dải có thể được đặt trên các rãnh trong khay xét nghiệm ngay khi băng tải không di chuyển sau khi bắt đầu xét nghiệm. Khuyến cáo không đặt que test khi băng tải đang di chuyển, nếu không, máy phân tích sẽ bị lỗi.

Bước 5: Kết quả sẽ hiển thị sau xét nghiệm. (Ref Hình 24)



Hình 24

Kết quả sẽ được hiển thị trên màn hình và được lưu trữ trong bộ nhớ sau mỗi lần test. Bất kỳ kết quả bất thường nào đều sẽ được đánh dấu bằng * trên bản in ra.

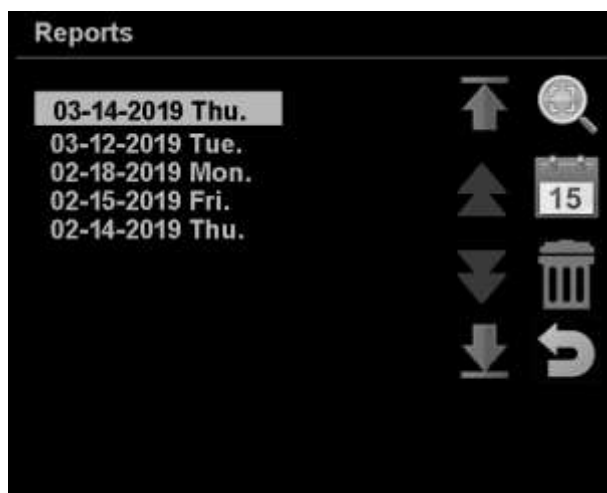
Nếu tự động in đang bật, Kết quả sẽ được in sau mỗi lần test, tham khảo **4.2.5 Printer** cho cài đặt máy in.

Loại bỏ Strip đã sử dụng khỏi Strip Holder khi khay đã ngừng di chuyển. Không di chuyển Strip trước khi ngừng di chuyển.

Vứt bỏ strip đã qua sử dụng theo quy định tại địa phương. Lặp lại các bước trước đó để test thêm Strip khác.






b. Báo cáo




Bấm “**Reports**” trong giao diện chính để đăng nhập vào giao diện như Hình 25. Chọn ngày, bấm vào các nút ở bên phải giao diện để xem, in, chuyển và xóa các báo cáo.



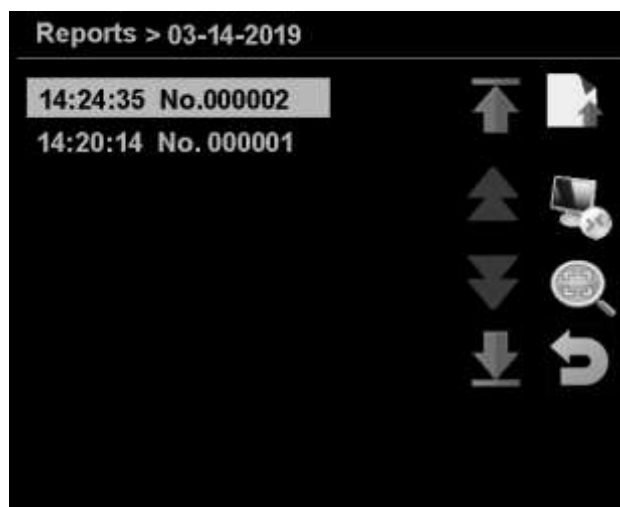
Hình 25

Định nghĩa của mỗi biểu tượng:

Nút	Chức năng
	Xem trang trước của ngày (ngày mới hơn)
	Xem trang tiếp theo của ngày (ngày cũ)
	Duyệt báo cáo về ngày được chọn .
	Chọn ngày
	Xóa báo cáo trong ngày được chọn.


	Trở lại menu chính.
	Chọn ngày cuối cùng
	Chọn ngày đầu tiên


Thông tin mười ngày sẽ được hiển thị trong giao diện, nhấp vào ngày, các chi tiết có thể được xem như Hình 26




Hình 26



Xem báo cáo

Bấm  để in báo cáo đã hiển thị

Bấm  để chuyển báo cáo đã hiển thị

Bấm  Để xem báo cáo. Kết quả xét nghiệm gần đây sẽ được hiển thị trong giao diện. (Ref Hình 27)



Bấm  hoặc  để chọn báo cáo

Bấm  hoặc  để chọn trang trước hoặc sau.

03-14-2019 14:24:35 No.000002			
LEU	-	neg.	↑
NIT	-	neg.	↑
URO	norm.	norm.	↑
PRO	-	neg.	↑
PH	5.0		↑
BLO	-	neg.	↓
*SG	1.026		↓
KET	-	neg.	↓
BIL	-	neg.	↓
GLU	-	neg.	↓
*ASC	2+	20mg/dL	↓

Hình 27

Xóa báo cáo

Trong giao diện Report như Hình 30, Tất cả các báo cáo trong một ngày có thể bị xóa bằng cách bấm vào  và ngày đã chọn sẽ bị xóa. Khi báo cáo mục tiêu cần xóa, bạn nên nhập giao diện báo cáo mục tiêu như Hình 32, và chọn  để xóa báo cáo.

Chú ý: (các) báo cáo không thể khôi phục sau khi xóa. Vui lòng sử dụng chức năng này một cách thận trọng.

Thông tin nhà sản xuất

Tên: Hangzhou AllTest Biotech Co., Ltd.

Địa chỉ: # 550, Yin Hai Street, Hangzhou Economic & Technological Development Area, Hangzhou-310018, P. R. China






















Tel: +86-571-56267890

Fax: +86-571-56267856

Web: www.alltests.com.cn

Email: info@alltests.com.cn

Biểu tượng

	Hướng dẫn sử dụng		Test 1 kit		Chỉ sử dụng trong chẩn đoán in-vitro
	Bảo quản và vận chuyển ở nhiệt độ -20-50°C		Catalog #		Người đại diện theo ủy quyền
	Nhà sản xuất		CE Mark		Giữ khô
	Dễ vỡ, xử lý cẩn thận		Tránh xa ánh sáng mặt trời		Bảo vệ khỏi nhiệt độ cao và các nguồn phóng xạ
	Thận trọng		Nguy cơ sinh học! Chú ý đến việc bảo vệ và Điều trị		Upward
	Thận trọng, khả năng bị điện giật		Nói đất		Giới hạn lớp xếp chồng
	Không lăn		Phạm vi độ ẩm		Áp suất không khí



Hangzhou AllTest Biotech Co., Ltd.
#550, Yin Hai Street
Hangzhou Economic & Technological Development Area
Hangzhou - 310018, P. R. China
www.alltests.com.cn



EC REP
MedNet GmbH
Borkstrasse 10
48163 Muenster
Germany

Number: 146086502

Effective date: 2020-08-25

PHỤ LỤC

A. Bảng thông số que thuốc thử phân tích nước tiểu

Project	sign	Nồng độ
ASC	- 1+	0 mg/dL
	2+	10 mg/dL
	3+	20 mg/dL
	4+	40 mg/dL
LEU	-	0 Leu/ μ L
	\pm 1+	15 Leu/ μ L
	2+	70 Leu/ μ L
	3+	125 Leu/ μ L
GLU	-	0 mg/dL
	\pm	100 mg/dL
	1+	250 mg/dL
	2+	500 mg/dL
	3+	1000 mg/dL
ALB	4+	\square 2000 mg/dL
	10 mg/L	10 mg/L
	30 mg/L	30 mg/L
	80 mg/L	80 mg/L
BIL	150 mg/L	150 mg/L
	-	0mg/dL
	1+	1mg/dL
	2+	2mg/dL
pH	3+	4mg/dL
	5.0	5.0
	6.0	6.0
	6.5	6.5
	7.0	7.0
	7.5	7.5
8.0	8.0	
9.0	9.0	

Project	sign	Nồng độ
SG	1.000	1.000
	1.005	1.005
	1.010	1.010
	1.015	1.015
	1.020	1.020
	1.025	1.025
	1.030	1.030
KET	-	0 mg/dL
	±	5 mg/dL
	1+	15 mg/dL
	2+	40 mg/dL
	3+	80 mg/dL
	4+	160 mg/dL
PRO	-	0 mg/dL
	±	15 mg/dL
	1+	30 mg/dL
	2+	100 mg/dL
	3+	300 mg/dL
	4+	2000 mg/dL
NIT	-	0 mg/dL
	+	≥0.1mg/dL
URO	-	0.2 mg/dL
	±	1 mg/dL
	1+	2 mg/dL
	2+	4 mg/dL
	3+	8 mg/dL
	4+	12 mg/dL
CRE	10 mg/dL	10 mg/dL
	50 mg/dL	50 mg/dL
	100 mg/dL	100 mg/dL
	200 mg/dL	200 mg/dL
	300 mg/dL	300 mg/dL

BLO	-	0 Ery/ \square L
	\pm	10 Ery/ \square L
	1+	25 Ery/ \square L
	2+	80 Ery/ \square L
	3+	200 Ery/ \square L

CA	4 mg/dL	4 mg/dL
	10 mg/dL	10 mg/dL
	20 mg/dL	20 mg/dL
	30 mg/dL	30 mg/dL
	40 mg/dL	40 g/dL
